TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHĨA LỘ** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2024
"V/v Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Vĩnh;
2. Ông Hà Văn Tý.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái*** tham gia phiên toà**:** Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, về việc: Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Đỗ Văn V- sinh năm 1934;

Nơi ĐKNKTT: Thôn Q, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

Nơi ở hiện nay: Xóm 3, thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Ông Đỗ Văn V ủy quyền cho chị Đỗ Thị V, sinh năm 1980, trú tại: Thôn 01, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái để giải quyết tranh chấp về tài sản, văn bản ủy quyền ngày 05/6/2024.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959,

Trú tại: Thôn Q, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

Bà L, chị V có mặt, ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, ông Đỗ Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, ông và bà Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện có đăng kết hôn tại UBND thị trấn nông trường N, huyện V (nay thuộc thị xã N), tỉnh Yên Bái ngày 29/12/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Thôn Q, xã P, huyện V (nay

thuộc thị xã N), tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hòa thuận, từ đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do ông tuổi cao sức yếu, thường xuyên ốm đau nên bà L bỏ mặc không quan tâm đến ông. Sau đó ông được các con đưa về xóm 3, thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình sinh sống. Ông xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

Về con chung: Ông và bà L không có con chung.

Về tài sản chung: ông V ủy quyền cho chị Đỗ Thị V là con gái ông V giải quyết các tranh chấp về tài sản với bà L. Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 10/7/2024, các đương sự đã thống nhất các tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng ông bà V- L, cụ thể:

* Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống ông V, bà L đã tạo dựng, tôn tạo số tài sản chung vợ chồng được tính thành tiền gồm:

- Thêm tiền để lát lại nền nhà bằng gạch men và lợp mái tôn che sân vào năm 2022 tổng trị giá: 17.400.000đ;

- Làm đường dây điện kéo từ công tơ tổng của thôn lên nhà vào năm 2020 trị giá: 8.000.000đ;

- Thêm tiền để xây dựng công trình phụ (nhà tắm + nhà vệ sinh) vào năm 2023 trị giá: 8.000.000đ.

- Đổ sân bê tông trước nhà, láng nền 02 gian bếp, 02 gian buồng vào năm 2020 trị giá: 3.500.000đ;

- Làm đường bê tông xi măng từ đường thôn vào nhà năm 2021 trị giá: 3.800.000đ.

- Làm đường ống nước thủy lợi vào ao và ruộng để canh tác vào năm 2018 trị giá: 5.000.000đ;

- Mua cây giống (Bưởi, nhãn, hồng xiêm …) trồng năm 2020 trị giá: 500.000đ.

- 01 bộ bàn ghế đi văng cải tiến bằng gỗ Xoan Đào đóng năm 2020, trị giá 6.000.000đ.

- Trị giá vườn chè trên đất của ông Vỉ: 30.000.000đ.

Tổng cộng: 82.200.000đ.

Ông Đỗ Văn V sẽ sở hữu tài sản chung và thanh toán cho bà Nguyễn Thị L ½ trị giá phần tôn tạo, tạo dựng tài sản chung là: 82.200.000đ/2 = 41.100.000đ.

* Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ chung: 10.600.000đ, gồm vay của bà Nguyễn Thị Đ ở thôn 01, xã N vào năm 2023 để làm đường nông thôn: 4.000.000đ. Nợ tiền cám vịt của anh Đ - L ở bản H: 6.600.000đ.

Ông V sẽ thanh toán cho bà L 5.300.000đ để bà L có nghĩa vụ trả nợ cho những người trên.

* Bà Nguyễn Thị L đang quản lý 215.000đ là tiền chè đã thu hoạch từ đầu năm 2024 (03 lần thu hoạch), đây là tài sản chung của vợ chồng, bà L sẽ thanh toán cho ông V ½ số tiền trên.

Tổng cộng ông V sẽ thanh toán cho bà L: 41.100.000đ (trị giá ½ tài sản chung) + 5.300.000đ (trị giá ½ nợ chung) - 106.000đ (trị giá ½ tiền chè) = 46.294.000đ và sở hữu toàn bộ tài sản chung.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông V đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao CCCD mang tên Đỗ Văn V. Bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01 giữa bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Văn V do UBND thị trấn nông trường N, huyện V, tỉnh Yên Bái cấp ngày 29/12/2008. Bản sao giấy CNQSĐ mang tên Đỗ Văn V+ Hoàng Thị L do UBND huyện V cấp ngày 11/7/2003, có số vào sổ 01610 QSDĐ/số 41/QĐ-UB. Bản sao giấy CNQSĐ mang tên Đỗ Văn V do UBND huyện V cấp ngày 01/01/1993, có số vào sổ 587 QSDĐ.

Do tuổi cao sức yếu ông V có đơn đề nghị tòa án không hòa giải và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Văn V có đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2008, tại UBND thị trấn nông trường N, huyện V (nay thuộc thị xã N), tỉnh Yên Bái, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Thôn Q, xã P, huyện V (nay thuộc thị xã N), tỉnh Yên Bái. Kể từ khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì, vợ chồng tuy già nhưng vẫn chăm sóc nhau, nhưng không hiểu lý do gì đến ngày 18/02/2024 (âm lịch) thì ông V bỏ về quê tại xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình sinh sống. Thực tế vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên nếu ông V muốn ly hôn bà cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà và ông V không có con chung.

Về tài sản chung: Bà L nhất trí về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, nhất trí với ông V về chia tài sản chung cũng như nghĩa vụ trả nợ chung, cụ thể: Ông V sở hữu toàn bộ tài sản chung và thanh toán cho bà L: 46.294.000đ, gồm các khoản: 41.100.000đ (trị giá ½ tài sản chung) + 5.300.000đ (trị giá ½ nợ chung) - 106.000đ (trị giá ½ tiền chè bà L đang quản lý).

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đỗ Thị V có đơn trình bày: Tháng 02/2023 chị có bán cho bà L 01 xe phân bón trị giá 1.600.000đ nhưng bà L chưa thanh toán; trước khi ông V về quê, ông bà còn có 25 con gà trị giá 3.000.000đ. Chị đề nghị bà L trả số tiền phân bón đã mua, chia đôi số tài sản trên nhưng bà L không nhất trí. Bà Nguyễn Thị L có đơn trình bày: Ngày 12/9/2023 bà có mua của bà Nguyễn Thị H 01 xe phân trâu trị giá 1.900.000đ và 01 bao phân NPK của ông Ngô Văn T trị giá 510.000đ để bón chè nhưng chưa thanh toán. Đóng góp các loại quỹ năm 2024 tại địa phương: 795.000đ; bà đề nghị được chia đôi các khoản nợ, khoản đóng góp các loại quỹ và đề nghị được tiếp tục chăm sóc, thu hoạch toàn bộ vườn chè của ông V đến hết năm 2024, nhưng chị Đỗ Thị V chỉ nhất trí chia đôi các khoản quỹ bà L đã đóng góp, các khoản khác chị V không nhất trí.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng dân

sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ Văn V, xử cho ông Đỗ Văn V được ly hôn với và Nguyễn Thị L.

+ Về con chung: Vợ chồng ông bà V- L không có con chung nên không xét.

+ Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung, theo đó ông Đỗ Văn V sở hữu toàn bộ tài sản chung và thanh toán cho bà L: 46.294.000đ. Bà Nguyễn Thị L được sở hữu 46.294.000đ, đồng thời có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ chung 10.600.000đ. Đối với các yêu cầu về tài sản chung và nợ chung mới phát sinh tại phiên tòa của chị Đỗ Thị V và bà Nguyễn Thị L, đề nghị Tòa án xem xét: đối với các yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự thì không chấp nhận và giao quyền khởi kiện vụ án mới cho các đương sự nếu có yêu cầu. Đối với yêu cầu của bà L đưa ra về số tiền 795.000đ được chị V chấp nhận thì chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Về đề nghị của bà L được tiếp tục chăm sóc, thu hoạch toàn bộ vườn chè của ông V đến hết năm 2024, do chị Đỗ Thị V không nhất trí, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

+ Về án phí: Các đương sự được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Ngày 08/4/2024 ông Đỗ Văn V có đơn khởi kiện xin ly hôn bà Nguyễn Thị L có hộ khẩu thường trú tại xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã nhận được các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn ông Đỗ Văn V gửi nộp tại tòa án. Vì lý do sức khỏe ông V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị của ông Đỗ Văn V là hợp pháp. Đối với các tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, ông V đã ủy quyền cho chị Đỗ Thị V tham gia tố tụng, việc ủy quyền này là hợp pháp, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2008, tại UBND thị trấn nông trường N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hòa thuận, nhưng từ đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính theo ông V là do ông tuổi cao sức yếu, thường xuyên ốm đau nên bà L bỏ mặc không quan tâm đến ông. Sau đó ông được các con đưa về xóm 3, thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình sinh sống. Ông xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L. Bà Nguyễn Thị L thì cho rằng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên nếu ông V muốn ly hôn, bà cũng nhất trí ly hôn. Điều đó thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng ông bà V- L không có con chung nên không xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung: Các đương sự đã thỏa thuận: ông V sở hữu toàn bộ tài sản chung và thanh toán cho bà L 46.692.000đ, gồm các khoản: 41.100.000đ (trị giá ½ tài sản chung) + 5.300.000đ (trị giá ½ nợ chung) - 106.000đ (trị giá ½ tiền chè bà L đang quản lý) + 398.000đ (1/2 trị giá các loại quỹ bà L đã đóng góp năm 2024). Bà Nguyễn Thị L được sở hữu 46.692.000đ do ông V thanh toán, đồng thời có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ chung 10.600.000đ. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị V tại phiên tòa hôm nay về 01 xe phân bón đã bán cho bà L tháng 02/2023 trị giá 1.600.000đ nhưng bà L chưa thanh toán, là yêu cầu vượt quá yêu cầu đã được hòa giải ngày 10/07/2024 theo quy định tại Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự, nên không được hội đồng xét xử chấp nhận, chị V có quyền khởi kiện bà L bằng vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu. Đối với các yêu cầu khác đã được giải quyết, thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 10/07/2024 nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với yêu cầu của bà L tại phiên tòa hôm nay về việc bà L đã mua một xe phân trâu trị giá 1.900.000đ, một bao phân NPK trị giá 510.000đ nhưng chưa trả là yêu cầu vượt quá yêu cầu đã được hòa giải ngày 10/07/2024 theo quy định tại Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự, nên không được hội đồng xét xử chấp nhận, bà L có quyền khởi kiện ông V bằng vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu. Đối với yêu cầu ông V cùng có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền quỹ đã nộp năm 2024 trị giá 795.000đ, chị V nhất trí, đây là thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phù hợp với pháp luật được hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị L đề nghị được chăm sóc, thu hoạch toàn bộ vườn chè của ông V đến hết năm 2024, nhưng chị Đỗ Thị V không nhất trí. Hội đồng xét xử thấy rằng: Vườn chè là tài sản riêng của ông V, hai bên đã thỏa thuận ông V thanh toán cho bà L ½ trị giá vườn chè là 15.000.000đ, nên yêu cầu của bà L phải được chị V nhất trí thì Hội đồng xét xử mới xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí: Do các đương sự là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn, án phí chia tài sản khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Những nhận định và đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Xử cho Ông Đỗ Văn V ly hôn bà Nguyễn Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Đỗ Văn V sở hữu toàn bộ tài sản chung và thanh toán cho bà L: 46.692.000đ *(Bốn mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng)*, gồm các khoản: 41.100.000đ (trị giá ½ tài sản chung) + 5.300.000đ (trị giá ½ nợ chung) - 106.000đ (trị giá ½ tiền chè bà L đang quản lý) + 398.000đ (1/2 trị giá các loại quỹ bà L đã đóng góp năm 2024). Bà Nguyễn Thị L được sở hữu 46.692.000đ *(Bốn mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng)* do ông V thanh toán, đồng thời có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ chung 10.600.000đ *(Mười triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chênh lệch tài sản cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông Đỗ Văn V còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Không chấp nhận đề nghị của chị Đỗ Thị V về yêu cầu bà Nguyễn Thị L thanh toán 1.600.000đ trị giá một xe phân bón chị đã bán tháng 02/2023, chị V có quyền khởi kiện bà L bằng vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu.

4. Không chấp nhận đề nghị của bà Nguyễn Thị L về yêu cầu ông V có trách nhiệm thanh toán khoản nợ chung là tiền mua phân bón ngày 12/9/2023 trị giá 2.410.000đ, bà L có quyền khởi kiện ông V bằng vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu.

5. Không chấp nhận đề nghị của bà Nguyễn Thị L về việc được chăm sóc, thu hoạch toàn bộ vườn chè của ông V đến hết năm 2024.

6. Về án phí: Ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Văn V có quyền kháng cáo về quan hệ hôn nhân ghi trong bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án, có quyền kháng cáo về quan hệ tài sản ghi trong bản án trong hạn

15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Quốc Hưng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Nghĩa Lộ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Quốc Hưng